

Số: 72 /BC-TLĐ

Hà Nội, ngày 21 tháng 7 năm 2016



BÁO CÁO

Sơ kết nửa nhiệm kỳ thực hiện Chương trình số 1464/CTr-TLĐ ngày 08/10/2013 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về “Nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp của đoàn viên và người lao động”

Hiện nay có một bộ phận công nhân lao động còn thờ ơ, không quan tâm đến tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của đất nước, còn hạn chế về nhận thức chính trị, hiểu biết chưa đầy đủ về chính sách, pháp luật; thiếu kiến thức thực tiễn, ý thức trách nhiệm chưa cao; trình độ nghề nghiệp của khá đông lao động trực tiếp sản xuất còn thấp, thiếu kỹ năng, kinh nghiệm làm việc, kỷ luật lao động và tác phong công nghiệp còn yếu. Chính vì vậy, Nghị quyết Đại hội Công đoàn Việt Nam lần thứ XI xác định: “Tạo sự chuyển biến tích cực của các cấp Công đoàn, công nhân lao động, người sử dụng lao động về trách nhiệm của mình trong việc tiếp tục tổ chức tốt phong trào học tập, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp cho đoàn viên và người lao động. Tuyên truyền, vận động để đoàn viên và công nhân lao động thấy rõ việc học tập vừa là quyền lợi, vừa là yêu cầu để đảm bảo việc làm, nâng cao thu nhập, vừa là thực hiện trách nhiệm của mình đối với đất nước. Xây dựng xã hội học tập, từng bước tri thức hóa giai cấp công nhân, xây dựng giai cấp công nhân ngày càng vững mạnh, xứng đáng là giai cấp tiên phong, lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”. “Vận động từ 60% trở lên số đoàn viên và người lao động nơi có tổ chức công đoàn học tập nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp”.

Thực hiện Nghị quyết, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đã xây dựng Chương trình 1464/CTr-TLĐ ngày 08/10/2013 về “Nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp của đoàn viên và người lao động”, hướng dẫn các liên đoàn lao động tỉnh, thành phố, công đoàn ngành trung ương và tương đương, công đoàn tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn tổ chức triển khai thực hiện Chương trình, với nhiều hình thức, nội dung phong phú, đa dạng phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, ngành, đơn vị, doanh nghiệp, đẩy mạnh việc thực hiện các nội dung của Chương trình nhằm hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ đã đề ra. Nửa nhiệm kỳ thực hiện Chương trình đã đạt được những kết quả như sau:

PHẦN THỨ NHẤT

Tình hình thực hiện Chương trình “Nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp của đoàn viên và người lao động”

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Cấp Tổng Liên đoàn

Ngay sau khi ban hành Chương trình số 1464/CTr-TLĐ ngày 08/10/2013 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về thực hiện Chương trình “Nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp của đoàn viên và người lao động”, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đã ban hành Quyết định số 345/QĐ-TLĐ ngày 25/3/2014 thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình “Nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp của đoàn viên và người lao động, giai đoạn 2013 – 2018”. Ban hành Hướng dẫn số 1762/HD-TLĐ, ngày 26/11/2014 hướng dẫn các cấp công đoàn triển khai công tác tuyên truyền thực hiện Chương trình “Nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp của đoàn viên và người lao động” trong đó nêu 6 nhiệm vụ yêu cầu các cấp công đoàn triển khai thực hiện.

Ngày 22/10/2014, Tổng Liên đoàn và Bộ Giáo dục & Đào tạo đã ký Chương trình phối hợp hoạt động số 1583b/CTPH-TLĐLĐVN-BGDĐT về “Nâng cao trình độ học vấn, kỹ năng nghề nghiệp của công nhân, viên chức, lao động giai đoạn 2014-2020”, trong đó nêu 7 nội dung phối hợp thực hiện và phân công rõ trách nhiệm từng bên.

Xây dựng Đề án “Đẩy mạnh các hoạt động học tập suốt đời trong công nhân lao động tại các doanh nghiệp đến năm 2020” và đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 231/QĐ-TTg ngày 13/02/2015.

Để có những căn cứ khoa học cũng như xác định rõ hơn nhiệm vụ của các cấp công đoàn, Tổng Liên đoàn đã tổ chức nghiên cứu Đề tài “Vai trò của Công đoàn trong việc nâng cao kỹ năng nghề cho người lao động”. Hội đồng khoa học Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đánh giá cao về tính khả thi của Đề tài.

2. Đối với LĐLĐ tỉnh, thành phố, công đoàn ngành trung ương và tương đương, công đoàn tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn.

100% các liên đoàn lao động tỉnh, thành phố, công đoàn ngành trung ương và tương đương, công đoàn tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn đã xây dựng và ban hành kế hoạch, hướng dẫn, chương trình hành động thực hiện Chương trình 1464/CTr-TLĐ; tổ chức điều tra, khảo sát, thống kê, đánh giá thực trạng về trình độ học vấn, kỹ năng nghề nghiệp của công nhân lao động, nhu cầu cần đào tạo, đào tạo lại của công nhân lao động; đã tổ chức triển khai các nội dung của Chương trình 1464/CTr-TLĐ, đặc biệt là thực hiện Quyết định số 231/QĐ-TTg, ngày

13/02/2015 Thủ tướng Chính phủ về “Đẩy mạnh các hoạt động học tập suốt đời trong công nhân lao động tại các doanh nghiệp đến năm 2020”; Nghị quyết 4b/NQ-BCH ngày 06/01/2005 của Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam khóa IX; Chương trình phối hợp hoạt động số 1583b/CTPH-TLĐLĐVN-BGDĐT ngày 22/10/2014 giữa Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam với Bộ Giáo dục và Đào tạo. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục đào tạo, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các doanh nghiệp tổ chức tuyên truyền, vận động công nhân lao động tham gia học tập; phối hợp tổ chức các lớp học bổ túc văn hóa, bồi dưỡng nhận thức về chính trị, kiến thức pháp luật, kỹ năng sống, ngoại ngữ, tin học, kỹ năng nghề nghiệp, các lớp kèm cặp tay nghề, các lớp ôn lý thuyết, luyện tay nghề, thi thợ giỏi, thi nâng bậc thợ hàng năm cho công nhân lao động tại các doanh nghiệp ...

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng về trình độ, kỹ năng nghề nghiệp của đoàn viên và người lao động và các kết quả đạt được

Qua tổng hợp báo cáo của các liên đoàn lao động tỉnh, thành phố, công đoàn ngành trung ương và tương đương, công đoàn tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn và số liệu của ngành giáo dục và đào tạo về trình độ học vấn, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đến hết năm 2015, cả nước có: 70,66% công nhân lao động tại các khu chế xuất, khu công nghiệp có trình độ trung học phổ thông và tương đương, 47,84% công nhân lao động có tay nghề cao ở các ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước, 70,09% công nhân lao động được đào tạo qua các trường, lớp nghề (Xem phụ lục 4). Nửa nhiệm kỳ thực hiện Chương trình, các cấp công đoàn đã tuyên truyền, vận động và phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục đào tạo, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các doanh nghiệp tổ chức các lớp học bổ túc văn hóa, bồi dưỡng nhận thức về chính trị, kiến thức pháp luật, ngoại ngữ, tin học, kỹ năng nghề nghiệp, các lớp kèm cặp tay nghề, các lớp ôn lý thuyết, luyện tay nghề, thi thợ giỏi, thi nâng bậc thợ cho hơn 5 triệu lượt công nhân lao động và cán bộ công đoàn các cấp (Xem phụ lục 1), trong đó:

- Về trình độ học vấn: tổ chức các lớp bổ túc văn hóa, bồi dưỡng nhận thức về chính trị, kiến thức pháp luật, ngoại ngữ, tin học, kỹ năng sống cho 1.580.968 lượt công nhân lao động (Xem phụ lục 1)

- Về kỹ năng nghề nghiệp: tổ chức các lớp kèm cặp tay nghề, luyện tay nghề, đào tạo nâng cao trình độ tay nghề cho 2.831.667 lượt công nhân lao động; (Xem phụ lục 1).

- Tổ chức thi tay nghề cho 610.708 công nhân lao động (Xem phụ lục 1).

- 68.646 cán bộ công đoàn các cấp được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ học vấn (Xem phụ lục 2).

- Hệ thống các trung tâm dạy nghề, các trường trung cấp, cao đẳng nghề ... trong hệ thống công đoàn đã đào tạo, bồi dưỡng được 112.380 công nhân lao động. (Xem phụ lục 3).

2. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước và Nghị quyết của tổ chức Công đoàn về nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp của đoàn viên và người lao động.

Các cấp công đoàn luôn coi trọng công tác tuyên truyền vận động đoàn viên công đoàn, người lao động tích cực tham gia học tập nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp gắn liền với việc hoàn thành nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, trong đó, tập trung vào các nội dung:

Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho công nhân lao động về chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước về công tác nâng cao trình độ học vấn, kỹ năng nghề nghiệp cho công nhân lao động; tuyên truyền về vai trò, sự cần thiết phải học tập, coi học tập là điều kiện tiên quyết để có việc làm, học để nâng cao năng suất lao động, nâng cao thu nhập và đời sống, học để trở thành người lao động có tri thức, có văn hoá; hiểu biết về pháp luật, để hoàn thành tốt nghĩa vụ công dân và biết tự đấu tranh bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của mình theo quy định của pháp luật. Từng công nhân lao động tự xây dựng cho mình kế hoạch học tập về từng lĩnh vực cụ thể, phù hợp với điều kiện sống, yêu cầu của quá trình sản xuất, công tác ở đơn vị, doanh nghiệp ...

Các cấp công đoàn đã tổ chức nhiều hình thức tuyên truyền phong phú, đa dạng, phù hợp với tình hình thực tế của ngành, địa phương và của đơn vị, các hình thức tuyên truyền chủ yếu là: tuyên truyền miệng, tuyên truyền qua hệ thống phát thanh, truyền hình của địa phương, hệ thống loa truyền thanh của đơn vị; một số đơn vị như Hải Phòng, Đà Nẵng và một số tỉnh, thành phố đã biên soạn gần 100.000 tài liệu, tờ rơi, tờ gấp tuyên truyền về học tập suốt đời, học tập nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp; tổ chức tập huấn cho cán bộ công đoàn cơ sở, bộ phận, tổ chức lồng ghép với quá trình thực hiện cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, Tháng Công nhân, xây dựng đời sống văn hóa cơ sở, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật đi đầu trong công tác tuyên truyền là Liên đoàn lao động thành phố Hải Phòng, tỉnh Bình Dương, tỉnh Lào Cai, Công đoàn Hàng Hải Việt Nam ... đã tổ chức hơn 10.000 cuộc tuyên truyền về nâng cao trình độ học vấn, kỹ năng nghề nghiệp cho gần 1 triệu lượt công nhân lao động; Công đoàn Giáo dục Việt Nam với mô hình “Mỗi thầy, cô giáo là một tấm gương đạo đức tự học và sáng tạo”; Liên đoàn Lao động thành

phố Hồ Chí Minh với mô hình “Thành phố học tập”, “Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời” với chủ đề “Học để làm cho mình và cộng đồng hạnh phúc” đã đạt được những kết quả đáng khích lệ trong công tác nâng cao trình độ, kỹ năng cho người lao động ...

3. Tổ chức thương lượng, đối thoại với người sử dụng lao động về nhiệm vụ nâng cao trình độ, kỹ năng cho đoàn viên và người lao động.

Các cấp công đoàn đã tổ chức các cuộc hội thảo, tọa đàm, đối thoại với người sử dụng lao động, gắn nhiệm vụ nâng cao trình độ kỹ năng nghề nghiệp cho công nhân lao động thành trách nhiệm của người sử dụng lao động. Đưa nội dung học tập, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp của người lao động vào nội dung nghị quyết hội nghị người lao động, nội quy, quy chế của doanh nghiệp, là một trong các tiêu chí để bình xét thi đua hằng năm. Thương lượng, đàm phán để đưa nhiệm vụ nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp vào thỏa ước lao động tập thể với những nội dung như: tạo điều kiện về thời gian, vật chất, tổ chức các lớp học tại doanh nghiệp cho công nhân lao động. Thực hiện tốt nhiệm vụ này là tỉnh Đồng Nai có 814/1.162 doanh nghiệp ký thỏa ước lao động tập thể đưa nội dung nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp cho người lao động vào thỏa ước; TP. Đà Nẵng 70% doanh nghiệp đưa nội dung nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp cho người lao động vào thỏa ước lao động tập thể; Liên đoàn Lao động thành phố Hải Phòng tổ chức 600 cuộc đối thoại với người sử dụng lao động về nhiệm vụ nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp cho công nhân lao động ...

4. Thực hiện Chương trình phối hợp hoạt động số 1583b/CTPH-TLĐLĐVN-BGDĐT ngày 22/10/2014 giữa Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam với Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Ngày 22/10/2014 Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ký Chương trình phối hợp hoạt động số 1583b/CTPH-TLĐLĐVN-BGDĐT về nâng cao trình độ học vấn, kỹ năng nghề nghiệp của công nhân, viên chức, lao động giai đoạn 2014 – 2020. Để triển khai thực hiện, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đã ban hành Hướng dẫn số 1762/HD-TLĐ ngày 26/11/2014 hướng dẫn các cấp công đoàn triển khai công tác tuyên truyền thực hiện Chương trình, đặc biệt là tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, vai trò, lợi ích của việc học tập nâng cao trình độ học vấn, kỹ năng nghề nghiệp; tổ chức dạy văn hóa cho công nhân lao động chưa hoàn thành chương trình trung học phổ thông ...

Một số liên đoàn lao động địa phương như Bến Tre, Gia Lai, Quảng Ngãi, Quảng Bình, Lào Cai, Đà Nẵng ... đã tổ chức ký kết chương trình phối hợp hoạt động với các sở giáo dục và đào tạo các tỉnh, thành phố đẩy mạnh các hoạt động

tuyên truyền, giáo dục đào tạo, các phong trào học tập văn hóa, ngoại ngữ, tin học, ôn lý thuyết ...

5. Xây dựng và thực hiện Quyết định số 231/QĐ-TTg ngày 12/3/2015 của Chính phủ về “Đẩy mạnh các hoạt động học tập suốt đời trong công nhân lao động tại các doanh nghiệp đến năm 2020”.

Tổng Liên đoàn đã chủ trì xây dựng Đề án “Đẩy mạnh các hoạt động học tập suốt đời trong công nhân lao động tại các doanh nghiệp đến năm 2020” trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Ngày 13/02/2015 Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án (Quyết định số 231/QĐ-TTg ngày), trong đó giao cho Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức có liên quan triển khai thực hiện các nội dung của Đề án.

Ngay sau đó, Tổng Liên đoàn ban hành văn bản số 216/TLĐ, ngày 27/2/2015, hướng dẫn các liên đoàn lao động tỉnh, thành phố, công đoàn ngành trung ương và tương đương, công đoàn tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn quán triệt, triển khai thực hiện Đề án với 5 nhiệm vụ trọng tâm. Ban hành Quyết định số 750/QĐ-TLĐ ngày 03/6/2015 thành lập Ban Chỉ đạo của Tổng Liên đoàn thực hiện Quyết định số 231/QĐ-TTg ngày 13/02/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

Bộ Tài Chính phối hợp với Tổng Liên đoàn xây dựng và ban hành Thông tư số 68/2016/TT-BTC ngày 05/5/2016 hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án “Đẩy mạnh các hoạt động học tập suốt đời trong công nhân lao động tại các doanh nghiệp đến năm 2020” theo Quyết định số 231/QĐ-TTg ngày 13/02/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

Triển khai thực hiện Đề án, phần lớn các cấp công đoàn đã tuyên truyền, vận động và phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục, đào tạo, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các doanh nghiệp tổ chức các lớp học bổ túc văn hóa, bồi dưỡng nhận thức về chính trị, kiến thức pháp luật, kỹ năng nghề nghiệp, ôn lý thuyết, luyện tay nghề, thi thợ giỏi, kỹ năng sống, tin học, ngoại ngữ... cho công nhân lao động.

6. Các cấp công đoàn tiếp tục thực hiện Nghị quyết 4b/NQ-BCH ngày 06/01/2005 của Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam khóa IX về “Công đoàn với nhiệm vụ nâng cao trình độ học vấn, nghề nghiệp của công nhân, viên chức, lao động đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”.

Tổng Liên đoàn đã ban hành Hướng dẫn số 1762/HD-TLĐ ngày 26/11/2014 hướng dẫn các cấp công đoàn triển khai công tác tuyên truyền thực hiện Chương trình, trong đó có nhiệm vụ tổng kết Nghị quyết 4b/NQ-BCH. Các cấp công đoàn đã tiến hành rà soát đánh giá lại kết quả thực hiện Nghị quyết, thuận lợi, khó khăn,

đề xuất, kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền về nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp của đoàn viên và người lao động. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho đoàn viên và người lao động về sự cần thiết phải học tập, coi học tập là điều kiện tiên quyết để trở thành người lao động có tri thức, có văn hóa, có việc làm và thu nhập tốt hơn.

Công tác phối hợp với các cơ quan chức năng của Nhà nước, các ngành, địa phương xây dựng cơ chế chính sách khuyến khích và tạo động lực cho đoàn viên và người lao động học tập luôn được các cấp công đoàn quan tâm thực hiện.

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Ưu điểm:

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp công đoàn đối với Chương trình đã được triển khai, đã có những hoạt động hiệu quả trong việc vận động công nhân tham gia học tập; đã có sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong việc tuyên truyền, vận động, tổ chức cho công nhân lao động học tập.

- Công đoàn đã phối hợp với lãnh đạo cơ quan, doanh nghiệp, người sử dụng lao động khảo sát về trình độ học vấn, tay nghề của công nhân lao động để lập kế hoạch, đề xuất các giải pháp đào tạo, đào tạo lại.

- Nhận thức của các cấp công đoàn, đoàn viên, công nhân lao động và người sử dụng lao động đối với công tác nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp đã được nâng lên.

2. Một số hạn chế, nguyên nhân

2.1. Hạn chế

- Công tác tổ chức triển khai thực hiện Chương trình còn chưa được thường xuyên, liên tục. Chưa xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của tổ chức công đoàn là tuyên truyền, vận động công nhân lao động tham gia học tập; công đoàn chỉ phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục đào tạo, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và người sử dụng lao động tổ chức các lớp học cho công nhân lao động.

- Công tác phối hợp giữa công đoàn với ngành giáo dục và đào tạo về dạy học văn hóa, ngành lao động thương binh và xã hội về dạy nghề còn thiếu chặt chẽ, chưa đồng bộ, nên chưa có những tham mưu, đề xuất phù hợp với tình hình thực tế, chưa ký kết được Chương trình phối hợp hoạt động về dạy nghề cho công nhân lao động với Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. Chất lượng các chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho công nhân lao động chưa cao. Nhiều địa phương chưa tổ chức triển khai Chương trình phối hợp với ngành giáo dục và đào tạo và ngành lao động thương binh và xã hội.

- Một số nơi công đoàn còn coi công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên và người lao động học tập nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp là công việc

của Ban Tuyên giáo nên chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa các các ban chuyên đề của các cấp công đoàn trong công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên và người lao động học tập nâng cao trình độ học vấn, kỹ năng nghề nghiệp, còn coi chủ trương nâng cao trình độ học vấn, kỹ năng nghề nghiệp cho công nhân lao động thuần túy chỉ là một cuộc vận động, nên chưa quan tâm đúng mức.

- Kinh phí dành cho công tác nâng cao trình độ học vấn, kỹ năng nghề rất hạn hẹp, nhiều nơi không có kinh phí để tổ chức các hoạt động tuyên truyền, vận động đoàn viên và người lao động học tập nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp.

- Chế độ thông tin báo cáo thực hiện chưa nghiêm, qua hơn 2 năm thực hiện Chương trình, Tổng Liên đoàn đã nhiều lần đề nghị các liên đoàn lao động địa phương, công đoàn ngành trung ương, công đoàn tổng công ty báo cáo kết quả thực hiện Chương trình, song đến nay vẫn còn một số đơn vị chưa gửi báo cáo. Trong số báo cáo các đơn vị gửi về Tổng Liên đoàn, nhiều báo cáo vẫn còn chung chung, không có số liệu cụ thể, có báo cáo chỉ mang tính đối phó.

- Phong trào học bổ túc văn hóa, ôn lý thuyết, luyện tay nghề, thi thợ giỏi chưa trở thành phong trào quần chúng, nhiều nơi không tổ chức được việc học bổ túc văn hoá và thi tay nghề cho công nhân lao động. Phần lớn doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp ở các khu chế xuất, khu công nghiệp, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, chưa quan tâm tạo điều kiện về thời gian, kinh phí cho công nhân học tập nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp.

- Một bộ phận công nhân lao động chưa nhận thức đầy đủ về quyền lợi, trách nhiệm của cá nhân trong việc học tập nâng cao trình độ học vấn, kỹ năng nghề nghiệp, còn tư tưởng ngại khó, ngại học. Một bộ phận công nhân lao động xuất thân từ nông dân, trình độ học vấn còn hạn chế, phần lớn chưa qua các trường, lớp dạy nghề.

2.2. Nguyên nhân

- Sự biến động, chuyển dịch lao động giữa các doanh nghiệp, ngành nghề, vùng miền gây khó khăn cho công tác điều tra, khảo sát và tổ chức học tập. Cơ chế, chính sách chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế.

- Do người sử dụng lao động chỉ quan tâm, chú trọng đến sản xuất kinh doanh, chưa nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của công tác nâng cao trình độ học vấn, tay nghề cho người lao động đối với sự phát triển của doanh nghiệp.

- Nhiều doanh nghiệp sử dụng đông công nhân lao động làm các công việc giản đơn nên chưa có nhu cầu nâng cao trình độ học vấn, kỹ năng nghề cho công nhân lao động.

- Do đời sống khó khăn, thu nhập thấp và cường độ lao động căng thẳng, thời gian được nghỉ công nhân lao động tranh thủ làm thêm giờ nhằm tăng thu nhập, nên không có thời gian học tập.

IV. MỘT SỐ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Một là: Công tác nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp cho đoàn viên và người lao động là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, trong đó có vai trò của tổ chức Công đoàn. Vì vậy cần có sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, sự phối kết hợp chặt chẽ của chính quyền các cấp, các cơ quan liên quan, đặc biệt là ngành giáo dục và đào tạo về dạy văn hóa, ngành lao động thương binh và xã hội về dạy nghề cho công nhân lao động.

Hai là: Công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động đoàn viên công đoàn, công nhân lao động học tập nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cần được các cấp Công đoàn tiến hành thường xuyên, liên tục, đổi mới cho phù hợp điều kiện làm việc, sinh hoạt của công nhân lao động, nhất là ở các doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài nhà nước, tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức của công nhân, viên chức, lao động, người sử dụng lao động về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp. Nắm bắt tâm tư nguyện vọng của đoàn viên công đoàn, người lao động ở từng địa phương, ngành nghề, doanh nghiệp để đưa ra những nội dung tuyên truyền phù hợp; đồng thời đổi mới hình thức tuyên truyền đa dạng, phong phú, “Dễ nghe, dễ hiểu, dễ tiếp thu, dễ thực hiện”; đặc biệt cần quan tâm đến cơ sở, sát cơ sở, sát đoàn viên công đoàn, người lao động để tuyên truyền, vận động; chú trọng đến những công đoàn cơ sở ở các khu công nghiệp, khu chế xuất; lựa chọn thời điểm tuyên truyền, vận động thích hợp đối với người lao động.

Ba là: Phải xuất phát từ thực trạng trình độ văn hóa, tay nghề của đoàn viên công đoàn, công nhân lao động, yêu cầu thực tiễn của phong trào công nhân, viên chức, lao động và hoạt động công đoàn của từng ngành, từng địa phương, đơn vị để xây dựng chương trình, mục tiêu, nhiệm vụ để tổ chức thực hiện một cách cụ thể, phù hợp, sát với tình hình thực tế.

Bốn là: Cần có sự đầu tư phù hợp về cơ sở vật chất và kinh phí cho các hoạt động tuyên truyền. Phát huy vai trò cán bộ nòng cốt, cán bộ kiêm nhiệm ở cơ sở, tăng cường bồi dưỡng nghiệp vụ tuyên truyền cho cán bộ công đoàn cơ sở. Tranh thủ sự ủng hộ của người sử dụng lao động về điều kiện vật chất, thời gian học tập cho công nhân lao động.

Năm là: Đẩy mạnh việc tuyên truyền các điển hình tiên tiến trong công tác nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp cho đoàn viên công đoàn, người lao động,

các phong trào thi đua yêu nước. Vận động thành lập quỹ khuyến học tại các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, các cơ quan, đơn vị để thu hút mọi nguồn lực đặc biệt là sự đóng góp của các nhà hảo tâm, người sử dụng lao động, đoàn viên công đoàn, người lao động để hỗ trợ công nhân lao động có thu nhập thấp có điều kiện học tập nâng cao trình độ học vấn, kỹ năng nghề nghiệp.

PHẦN THỨ HAI

Phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp tiếp tục thực hiện Chương trình “Nâng cao trình độ học vấn, kỹ năng nghề nghiệp cho đoàn viên và người lao động” đến năm 2018

I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH

Trong thời gian tới, tình hình đời sống, việc làm của đoàn viên công đoàn, công nhân, viên chức, lao động sẽ tiếp tục gặp nhiều khó khăn, nhất là trong bối cảnh Việt Nam hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, đặc biệt là việc Việt Nam tham gia Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình dương (TPP), hoạt động công đoàn phải đổi mới mạnh mẽ theo hướng chuyển mạnh hoạt động công đoàn vào việc tổ chức thực hiện chức năng đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, công nhân, viên chức, lao động. Đây đã và đang là nhiệm vụ vừa có tính cấp bách, vừa có tính chiến lược của tổ chức Công đoàn trong thời gian tới.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TIẾP TỤC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ, KỸ NĂNG NGHỀ NGHIỆP CHO ĐOÀN VIÊN VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

1. Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam

1.1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo và phối hợp chỉ đạo các cấp công đoàn tuyên truyền nâng cao nhận thức về mục đích, ý nghĩa, vai trò, lợi ích của việc xây dựng xã hội học tập trong công nhân lao động. Nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, Nhà nước và nghị quyết của tổ chức Công đoàn về công tác nâng cao trình độ học vấn, kỹ năng nghề nghiệp của đoàn viên và công nhân lao động. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động công nhân lao động tham gia học tập nâng cao trình độ học vấn, kỹ năng nghề.

1.2. Tích cực triển khai có hiệu quả Chương trình phối hợp hoạt động giữa Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam với Bộ Giáo dục và Đào tạo về nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp cho đoàn viên và người lao động giai đoạn 2014 - 2020. Tổ chức ký kết Chương trình phối hợp hoạt động với Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về dạy nghề cho công nhân lao động.

1.3. Thực hiện có hiệu quả Quyết định số 231/QĐ-TTg, ngày 13/02/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh các hoạt động học tập suốt đời trong công nhân lao động tại các doanh nghiệp đến năm 2020”.

1.4. Các cấp công đoàn dành một phần kinh phí hỗ trợ cho công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, người lao động tham gia học tập; tổ chức các lớp tập huấn về kỹ năng tuyên truyền, vận động người sử dụng lao động, công nhân lao động tham gia các hoạt động học tập suốt đời cho cán bộ công đoàn làm công tác tuyên truyền.

1.5. Đẩy mạnh việc tuyên truyền các điển hình tiên tiến trong công tác nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp cho đoàn viên công đoàn, người lao động, các phong trào thi đua yêu nước; kịp thời biểu dương, khen thưởng tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến trong công tác nâng cao trình độ học vấn, kỹ năng nghề nghiệp.

2. Các LĐLĐ tỉnh, thành phố, công đoàn ngành trung ương, công đoàn tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn:

2.1. Đẩy mạnh việc triển khai thực hiện Chương trình 1464/CTr-TLĐ, đặc biệt là Quyết định số 231/QĐ-TTg ngày 13/02/2015 của Thủ tướng Chính phủ; phối hợp với các sở giáo dục và đào tạo tổ chức triển khai thực hiện Chương trình phối hợp hoạt động giữa Bộ Giáo dục và Đào tạo với Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

2.2. Tham mưu và đề xuất với cấp ủy, phối hợp với chính quyền cùng cấp và người sử dụng lao động hỗ trợ về tài chính và tạo điều kiện về thời gian để đoàn viên, người lao động được tham gia các chương trình đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, quản lý, nâng cao nhận thức chính trị, kiến thức pháp luật, ngoại ngữ, tin học.

2.3. Đối với công đoàn ngành trung ương và tương đương, công đoàn tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn phối hợp với lãnh đạo chuyên môn thực hiện Chương trình.

3. Đối với Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở và công đoàn cơ sở.

3.1. Thực hiện Chương trình, chỉ thị, nghị quyết và các chương trình phối hợp hoạt động về nâng cao trình độ học vấn, kỹ năng nghề nghiệp cho công nhân lao động theo quy định, hướng dẫn của liên đoàn lao động tỉnh, thành phố, công đoàn ngành trung ương, công đoàn tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn.

3.2. Tuyên truyền, vận động và phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục đào tạo, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các doanh nghiệp tổ chức các lớp học bổ túc văn hóa, kỹ năng nghề nghiệp, bồi dưỡng nhận thức về chính trị, kiến thức pháp luật, ngoại ngữ, tin học, kỹ năng sống, các lớp kèm cặp tay nghề, các

lớp ôn lý thuyết, luyện tay nghề, thi thợ giỏi, thi nâng bậc thợ hàng năm cho công nhân lao động tại các doanh nghiệp.

3.3. Thống kê, cập nhật số liệu về nhu cầu công nhân lao động cần phải đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học, tay nghề làm cơ sở để xây dựng kế hoạch tổ chức cho đoàn viên và người lao động tham gia học tập, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp.

3.4. Nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, vận động công nhân lao động, đoàn viên công đoàn hăng hái tham gia học tập nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp vì việc làm, chất lượng, năng suất, thu nhập của chính đoàn viên và người lao động.

3.5. Tuyên truyền, vận động người sử dụng lao động thực hiện xây dựng kế hoạch hằng năm và dành kinh phí cho việc đào tạo và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp cho người lao động đang làm việc cho mình; đào tạo cho người lao động trước khi chuyển làm nghề khác cho mình. Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng đối thoại, thương lượng với người sử dụng lao động để đưa nhiệm vụ nâng cao trình độ học vấn tay nghề cho công nhân vào thỏa ước lao động tập thể.

PHẦN THỨ BA

Đề xuất kiến nghị

1. Đối với Chính phủ

- Chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương rà soát và tổ chức thực hiện tốt các đề án về dạy nghề đã được Chính phủ phê duyệt cho lao động nông thôn hiện nay.


- Chỉ đạo các Bộ, ngành liên quan căn cứ phân công của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 231/QĐ-TTg ngày 13/02/2015, xây dựng kế hoạch, chương trình, tích cực chỉ đạo, tổ chức triển khai Đề án.

- Chỉ đạo Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách năm 2016 và các năm tiếp theo để các cấp công đoàn triển khai thực hiện một số nhiệm vụ của Đề án ở cấp Trung ương và địa phương.

2. Đối với Tổng Liên đoàn

- Chỉ đạo các liên đoàn lao động tỉnh, thành phố, công đoàn ngành trung ương và tương đương, công đoàn tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn xác định rõ công tác nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp của đoàn viên và người lao động là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, then chốt của các cấp công đoàn và tổ chức triển khai thực hiện hàng năm.

- Chỉ đạo các trường đại học, các trường cao đẳng, trung cấp nghề, các trung tâm dạy nghề, trung tâm giới thiệu việc làm thuộc hệ thống công đoàn nâng cao chất lượng đào tạo, tập trung đào tạo vào các ngành, nghề có nhu cầu cao hiện nay như: cơ khí, hàn, điện tử, tin học ứng dụng, kế toán ... tổ chức thực hiện tốt Đề án nâng cao năng lực các cơ sở dạy nghề của tổ chức Công đoàn đến năm 2020, ban hành kèm theo Quyết định số 1264/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Dành một phần kinh phí để thực hiện công tác nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp cho đoàn viên và người lao động. 

**TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Thường trực ĐCT TLD (b/c);
- Các LĐLĐ tỉnh, TP, CĐ ngành TW và tương đương, CĐ Tổng công ty trực thuộc TLD;
- Các Ban, VP, UBKT TLD;
- Lưu VP, BTG TLD.



Nguyễn Văn Ngàng

**BIỂU MẪU TỔNG HỢP VỀ TRÌNH ĐỘ HỌC VẤN, CHUYÊN MÔN
VÀ KẾT QUẢ ĐÀO TẠO TRONG CÔNG NHÂN VIÊN CHỨC LAO ĐỘNG
kèm theo báo cáo sơ kết nửa nhiệm kỳ chương trình 1464/CT-TLĐ**

Phụ lục 01

STT	Đơn vị	Tổng số CNLĐ	Trình độ học vấn						Trình độ			Trình độ chuyên môn, nghề nghiệp									Kết quả đào tạo 2013 - 2015		
			Tiểu học	THCS	THPT	CD, DH	Trên DH	Sơ cấp chính trị	Trung cấp chính trị	Cao cấp, Cử nhân chính trị	Chưa qua đào tạo nghề	Đào tạo nghề ngắn hạn	Trung cấp nghề	Cao đẳng, Cử nhân, kỹ sư	Bậc thợ			Số CNLĐ được học vấn hóa	Số CNLĐ được đào tạo tay nghề	Số CNLĐ thi tay nghề			
															Từ bậc 1 - 3	Từ bậc 4 - 5	Từ bậc 6 - 7						
1	An Giang	39,670	3,866	13,092	10,067	3,249	61	1,609	355	53	10,169	4,932	1,458	1,923	2,161	126	56	469	4,479	2,058			
2	Bà Rịa VT	113,004		23,595	86,252			13,339	4,417	1,419	27,495		16,303	35,375				48,003	25,677	12,954			
3	Bạc Liêu	31,455																	10,791				
4	Bắc Giang	86,234	6,005	11,640	65,538	3,027	24	2,226	36	70	46,121	17,120	19,881	3,112	24,949	38,877	22,408	2,184	9,971	3,863			
5	Bắc Kạn	3,656	2	350	503	935	35	414	138	70	578	463	854	119	1,232	395	101	129	1,114	919			
6	Bắc Ninh	293,246	2,571	11,792	221,562	48,246	5,432	8,509	4,237	1,519	6,708	100,544	33,775	40,940	82,630	41,853	20,654	8,550	138,811	13,858			
7	Bến Tre	39,349	3,809	14,128	18,208	3,066	138	398	25	7	7,128	17,885	1,872	1,425	6,244	2,255	2,540	2,069	11,879	8,257			
8	Bình Dương	920,000																	178,413				
9	Bình Định	25,969	718	5,283	798	9,265	603	807	927	161	1,608	4,162	1,619	565	5,237	2,033	878	3,869	12,906	8,622			
10	Bình Phước	27,453	2,245	9,879	15,329	4,179	11	25	29	24	3,294	20,315	2,196	1,648	13,177	337	5	193	9,608	849			
11	Bình Thuận	75,351	5,200	9,187	12,190	47,965	809	20,679	6,731	1,048	7,557	9,390	1,636	2,140	7,613	3,156	584	641	9,389	3,724			
12	Cà Mau	20,368	1,540	1,390	1,250	950	256	6,500	1,495	121	8,560	12,232	3,058	1,630	13,590	6,795	20	1,508	2,038	1,019			
13	Cao Bằng	35,014	239	2,686	28,929	18,060	567				1,025	1,465	12,341	6,325	1,229	1,045	115	6,640	3,998				
14	Cần Thơ	105,630	2,994	23,403	29,083	44,380	5,770	10,554	16,420	2,163	19,948	16,904	9,606	30,102	4,625	1,076	400	7,317	4,677	3,111			

STT	Đơn vị	Tổng số CNLD	Trình độ học vấn						Trình độ lý luận chính trị			Trình độ chuyên môn, nghề nghiệp									Kết quả đào tạo 2013 - 2015		
			Tiêu học	THCS	THPT	CB, DH	Trên DH	Sơ cấp chính trị	Trung cấp chính trị	Cao cấp, Cử nhân chính trị	Chưa qua đào tạo nghề	Đào tạo nghề ngắn hạn	Trung cấp nghề	Cao đẳng, Cử nhân, Kỹ sư	Bậc thợ			Số CNLD được học văn hóa	Số CNLD được đào tạo tay nghề	Số CNLD thi tay nghề			
															Từ bậc 1 - 3	Từ bậc 4 - 5	Từ bậc 6 - 7						
15	Đà Nẵng	84,403	1,181	10,128	47,264	2,532	230	648	415	244		31,228			18,067	3,241	1,031	156	36,292	12,518			
16	Đắk Lắk	82,958	4,194	11,703	158,455	108,745	3,735	43,194	29,194	7,713	2,347	8,312	341	934	3,136	2,199	2,013	247	902	902			
17	Đắk Nông	29,850																	7,462				
18	Điện Biên	2,278	1	608	800	200	20	115	850	200	900	1,128	500	200	800	550	400	2,728	1,828	350			
19	Đồng Nai	648,421																	313,279				
20	Đồng Tháp	68,186	3,607	17,251	35,525	9,348	2,455	1,806	1,650	1,221	15,615	15,330	10,923	4,459	4,732	2,250	1,343	2,181	21,335	6,014			
21	Gia Lai	10,428	448	2,064	6,990	2,441	91	2,461	304	242	448	1,268	2,488	4,067	948	366	229	1,652	3,066	1,560			
22	Hà Giang	46,225	185	2,555				1,257			3,466			733									
23	Hà Nam	47,565	2,225	8,288	35,626	3,586	15	364	178	7	3,251	37,958	2,755	3,586	2,298	1,529	576		37,412	1,809			
24	Hà Nội	666,688																	611,001				
25	Hà Tĩnh	84,019	454	2,464	40,825	37,936	234	17,772	10,919	176	2,727	4,418	8,273	17,206	4,636	2,867	991	5,724	4,402	1,601			
26	Hải Dương	219,700	929	28,053	119,246	69,034	2,438	15,124	9,258	1,296	8,891	42,144	48,126	46,357	31,818	28,423	11,387	2,877	25,467	12,840			
27	Hải Phòng	230,625	7,626	27,833	126,788	75,581	6,178	25,138	15,104	5,094	27,262	72,568	28,362	21,337	35,428	25,035	9,074	79,977	14,669	987			
28	Hậu Giang	47,146																	20,000				
29	Hòa Bình	59,232																	18,766				
30	Hồ Chí Minh	1,426,507																1,010,535					
31	Hưng Yên	101,340	22,639	18,473	63,572	19,685	382	6,832	347	28	19,817	43,075	11,682	14,204	18,648	7,734	3,245	25,750	92,186	44,422			
32	Khánh Hòa	120,000																14,054	24,000				

STT	Đơn vị	Tổng số CNLĐ	Trình độ học vấn						Trình độ			Trình độ chuyên môn, nghề nghiệp						Kết quả đào tạo 2013 - 2015		
			Tiêu học	THCS	THPT	CD, ĐH	Trên ĐH	Số cấp chính trị	Trung cấp chính trị	Cao cấp, Cử nhân chính trị	Chưa qua đào tạo nghề	Đào tạo nghề ngắn hạn	Trung cấp nghề	Cao đẳng, Cử nhân, kỹ sư	Bậc thợ			Số CNLĐ được học văn hóa	Số CNLĐ được đào tạo tay nghề	Số CNLĐ thi tay nghề
															Từ bậc 1 - 3	Từ bậc 4 - 5	Từ bậc 6 - 7			
33	Kiên Giang	171	956	4.196	11.948	3.329	102	747	124	25	1.834	1.794	1.439	2.904	690	338	212	303	2.141	493
34	Kon Tum	29.640	159	2.965	24.836	16.902	617	3.774	2.649	1.067	1.021	1.046	2.455	6.418	634	352	211	2.382	1.296	781
35	Lai Châu	25.067	479	3.834	21.294	11.465	221	2.581	3.604	851	1.002	658	1.896	6.960	567	321	125	387	545	585
36	Lào Cai	47.917	1.093	4.902	41.922	3.088	1.643	605	6.569	2.743	2.696	3.593	10.748	3.088	286	1.968	1.022	3.424	1.063	1
37	Lạng Sơn	47.440	2.270	3.060	42.110	27.350	1.470	17.410	21.330	3.860	5.100	2.860	27.350	1.673	696	283			31.150	3.660
38	Lâm Đồng	24.405	1.201	6.024	12.142	5.766	85	915	2.788	92	832	11.189	2.454	4.470	4.202	2.325	916	1.270	7.533	1.341
39	Long An	46.777	238	2.284	44.255	28.909	983	7.943	5.798	1.541		9.606	28.909					680	7.199	3.179
40	Nam Định	105.027	7.051	24.788	60.209	34.729	1.786	24.926	8.482	1.759	13.153	30.268	13.288	29.673	23.727	12.636	4.610	19.264	32.906	17.158
41	Nghệ An	159.628																	42.733	
42	Ninh Bình	68.653	1.262	5.399	53.758	27.705	1.553	12.197	5.951	529	14.249	7.768	10.684	2.619	14.411	10.853	2.630	309	6.147	718
43	Ninh Thuận	8.193	514	2.614	5.065	1.335	19	49	259	25	635	1.800	3.577	1.335	2.635	1.491	212	474	2.353	1.034
44	Phú Thọ	43.496	859	6.851	35.786	8.209	384	3.440	884	126	7.616	26.067	6.380	3.431	11.250	5.586	1.860	994	28.916	3.328
45	Phú Yên	46.568	830	7.317	38.421	24.121	1.328	13.133	4.987	1.503	6.725									
46	Quảng Bình	49.288				2.535	1.032						10.485	2.535				28.130	12	
47	Quảng Nam	6.422	17.232	29.146	1.099	6.827	25	53	211	2	18.434	13.735	8.671	6.827	11.048	4.603	902	135	474	4.213
48	Quảng Ngãi	30.000		2.000	28.000	12.000		12.000				3.000	15.000	12.000	25.000	4.500	500	1.200	30.000	10.000
49	Quảng Ninh	110.523	10.056	23.296	15.066	11.437	112	6.012	364	21	17.146	22.586	11.931	8.304	12.321	5.273	3.097	1.812	13.283	5.298
50	Quảng Trị	18.521	45	3.225	9.150	2.752	98	2.550	135	77	57	4.382	11.232	2.850	11.112	4.454	2.955	655	977	2.375

STT	Đơn vị	Tổng số CNLD	Trình độ học vấn					Trình độ lý luận chính trị			Trình độ chuyên môn, nghề nghiệp						Kết quả đào tạo 2013 - 2015				
			Tiểu học	THCS	THPT	CB, DH	Trên DH	Số cấp chính trị	Trung cấp chính trị	Cao cấp, Cử nhân chính trị	Chưa qua đào tạo nghề	Đào tạo nghề ngắn hạn	Trung cấp nghề	Cao dâng, Cử nhân, Kỹ sư			Số CNLD được học văn hóa	Số CNLD được đào tạo tay nghề	Số CNLD thi tay nghề		
														Từ bậc 1 - 3	Từ bậc 4 - 5	Từ bậc 6 - 7					
51	Sóc Trăng	16,628	5,143	5,027	4,413	2,045	46	187	157	35	1,463	3,105	407	1,461	938	526	249	614	15,165		
52	Sơn La	56,740																	13,509		
53	Tây Ninh	160,548	13,089	56,061	49,346	41,155	897	4,422	4,129	2,223	27,862	73,989	15,099	22,349	71,721	33,097	9,362	2,891	24,663	3,412	
54	Thanh Hóa	267,500																	10,400		
55	Thái Bình	115,911																	49,841		
56	Thái Nguyên	139,351	699	3,483	47,936	71,905	15,328	19,927	13,238	195	2,926	33,722	30,796	71,905	12,541	5,574	1,251	241	19,787	21,878	
57	TT - Huế	73,015	1,553	12,518	33,495	33,217	245	9,727	5,876	1,505	6,948	15,415	6,038	15,879	3,448	3,098	810	3,998	9,975	3,673	
58	Trình Giang	94,466	5,228	4,267	31,651	14,673	573	3,466	2,262	758	14,721	39,134	14,362	13,265	12,452	5,239	3	1,005	25,033	3,639	
59	Trà Vinh	69,749	7,232	18,536	37,612	24,233	6,185	4,333	6,906	2,497	4,267	61,202	2,366	8,977	234	136	5	29,477	36,309	72	
60	Tuyên Quang	1,517	286	2,057	1,384	5,625	545	149	563	84	347	2,303	2,325	2,163	6,894	253	1,384	123	1,904	976	
61	Vinh Long	25,092	1,572	12,092	9,460	1,968		101	5		744	13,332	1,019	1,623	1,949	279	327	370	6,951	2,035	
62	Vinh Phúc	99,392																	7,258		
63	Yên Bái	40,894																	7,210		
64	CD Thông tin TT																		1,798		
65	CD Cao su	105,767	14,640	45,720	30,810	9,319	175	4,178	1,976	631	13,517	37,628	3,885	6,783	40,610	18,976	18,249	2,043	41,166	22,714	
66	CD Công an	17,505																	1,985	968	
67	CD CN Tàu thủy	16,771	459	4,268	8,207	3,743	97	56	856	1,629	880	5,694	511	3,740	2,855	2,547	544		3,970	1,946	
68	CD Công đường	17,547		20,132	75,031	70,464	9,843	30,461	10,268	3,759	9,648	62,156	5,961	20,657	20,629	40,673	44,168		50,681	25,369	

STT	Đơn vị	Tổng số CNLĐ	Trình độ học vấn					Trình độ lý luận chính trị					Trình độ chuyên môn, nghề nghiệp						Kết quả đào tạo 2013 - 2015		
			Tiêu học	THCS	THPT	CB, DH	Trên DH	Sơ cấp chính trị	Trung cấp chính trị	Cao cấp, Cử nhân chính trị	Chưa qua đào tạo nghề	Đào tạo nghề ngắn hạn	Trung cấp nghề	Cao đẳng, Cử nhân, kỹ sư	Bậc thợ			Số CNLĐ được học văn hóa	Số CNLĐ được đào tạo tay nghề	Số CNLĐ thi tay nghề	
69	CD Dầu khí	67.196		1.366	4.664			5.650	31.516	2.345			6.284	12.600	51.232	9.758	14.569	6.890	3.234	8.258	3.702
70	CD Dệt may	124.601	1.616	52.104	59.103	11.536	242	5.882	2.338	222		4.978	43.696	5.212	10.254	72.152	21.844	9.246	506	39.612	82.728
71	CD Đường sắt	36.127			25.258	10.606	263	5.196	1.159	655		1.621	7.091	16.593	10.822				3.172	3.350	4.868
72	CD Điện lực	107.252	17	2.608	48.239	53.157	3.231	15.059	5.217	7.895		3.589	17.842	29.433	56.388	17.778	17.939	17.639	3.475	69.650	32.248
73	CD Giao thông	79.641	46.357	13.799	3.250	32.717	6.193	5.751	4.335	3.627		6.635	36.257	10.502	35.620	1.482	1.534	1.016	79.641	77.636	20.865
74	CD Giáo dục	32.372				43.994	17.648			6.729									8.431		207
75	CD Hàng hải	25.961	21	602	10.428	14.550	360	4.531	1.774	325		186	6.212	5.939	9.450	2.036	1.463	675	4.863	15.703	4.221
76	CD Hàng không	19.651		520	14.001	8.855	485	4.704	3.427	184		1.930	3.777	2.923	8.855	1.626	1.059	466		29.917	770
77	CD Ngân hàng	118.909																		228.353	
78	CD Nông nghiệp	50.000	2.732	14.989	20.537	9.754	1.847	5.856	1.882	818		7.334	12.836	4.272	9.980	17.515	11.488	5.388	3.204	15.777	11.610
79	CD Quốc phòng	143.521	1.435	15.789	100.464	25.833		57.408	4.532			7.177	78.936	43.056	14.352	100.464	28.705	14.352	39.500	56.700	135.600
80	CD Than Kín	87.996		17.342	45.361	20.263		7.845	1.346			1.182	50.703	8.817	11.446	35.161	40.737	12.068	20.356	25.795	12.375
81	CD Viên chức	81.315	132	2.094	11.482	37.946	10.234	18.536	26.142	6.916		1.570	3.496	8.714	37.942	928	1.404	2.196	24.488	38.770	2.934
82	CD Xây dựng	156.132	1.535	41.163	55.513	57.921	1.815	18.052	6.728	3.579		13.394	56.501	40.402	59.229	68.295	23.273	18.318	34.934	23.943	15.497
83	CD Y tế																		24.405	7.850	
TỔNG		9.108.773	220.669	734.283	2.297.506	1.346.348	117.194	519.583	303.796	83.638		443.234	1.267.138	611.987	871.699	904.953	501.951	262.191	1.580.968	2.833.465	610.708

**SỐ LƯỢNG CÁN BỘ CÔNG ĐOÀN THUỘC ĐIỆN
TỔNG LIÊN ĐOÀN CỬ ĐI ĐÀO TẠO (2a)**
(Kèm theo Báo cáo sơ kết nửa nhiệm kỳ thực hiện Chương trình 1464)

NĂM	TỔNG SỐ	SAU ĐẠI HỌC	LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ CN, CC	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC	Lượt người
					ĐÀO TẠO BỒI DƯỠNG THEO ĐỀ ÁN
2013	82	04	30	15	33
2014	158	02	55	63	38
2015	90	01	11	51	27
TC	330	07	96	129	98

**SỐ LƯỢNG CÁN BỘ CÔNG ĐOÀN DO LDLĐ TỈNH, TP, CĐ NGÀNH
TW, CĐ TỔNG CÔNG TY TRỰC THUỘC TLĐ CỬ ĐI ĐÀO TẠO (2b)**
(Kèm theo Báo cáo sơ kết nửa nhiệm kỳ thực hiện Chương trình 1464)

NĂM	SAU ĐẠI HỌC	ĐẠI HỌC	CAO CẤP, CỬ NHÂN CHÍNH TRỊ	TRUNG CẤP CHÍNH TRỊ	LÝ LUẬN NGHIỆP VỤ CĐ	TẬP HUẤN BD
2013	98	142	314	520	756	5.040
2014	143	742	214	254	1.869	19.931
2015	186	954	273	436	548	35.896
TC	427	1.838	801	1.210	3.173	60.867

Tổng cộng: 68.646 lượt người

**SỐ LƯỢNG CÔNG NHÂN LAO ĐỘNG ĐƯỢC DẠY NGHỀ TRONG
CÁC TRƯỜNG CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP NGHỀ CÔNG ĐOÀN**
(Kèm theo Báo cáo sơ kết nửa nhiệm kỳ thực hiện Chương trình 1464)

Đơn vị: Người

TT	NĂM	TỔNG SỐ	CAO ĐẲNG	TRUNG CẤP	SƠ CẤP, DẠY NGHỀ DƯỚI 3 THÁNG
1	2013	34.136	417	2.603	31.116
2	2014	34.969	680	2.649	31.640
3	2015	43.275	985	4.828	37.462
	TC	112.380	2.082	10.080	100.218

Tổng cộng: 112.380 người

NĂM	SỐ LƯỢNG CÔNG NHÂN LAO ĐỘNG ĐƯỢC DẠY NGHỀ TRONG CÁC TRƯỜNG CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP NGHỀ CÔNG ĐOÀN	TỔNG SỐ	CAO ĐẲNG	TRUNG CẤP	SƠ CẤP, DẠY NGHỀ DƯỚI 3 THÁNG
2013	34.136	34.136	417	2.603	31.116
2014	34.969	34.969	680	2.649	31.640
2015	43.275	43.275	985	4.828	37.462
TC	112.380	112.380	2.082	10.080	100.218

Tổng cộng: 112.380 người

27	Quảng Bình*	97.00%	100.00%	99.40%	84.10%	93.80%	84.70%	36.70%	88.50%	87.20%	85.00%
28	Quảng Trị*	100.00%	95.00%	75.50%	100.00%	90.00%	70.70%	44.80%	80.00%		85.00%
29	Thừa Thiên Huế	99.03%	94.30%	72.45%	80.66%	78.02%	71.95%	43.90%	49.98%	6.50%	62.43%
	Vùng 4 (10)	91.85%	93.80%	85.49%	95.47%	87.07%	74.93%	53.93%	71.1%	49.94%	73.39%
30	Quảng Nam	100.00%	100.00%	95.00%	95.00%	90.00%	75.00%	45.00%	70.00%	70.00%	82.50%
31	Quảng Ngãi	100.00%	100.00%	100.00%	100.00%	100.00%	100.00%	70.00%	80.00%	90.00%	90.00%
32	Bình Định	93.30%	95.40%	83.00%	92.40%	83.50%	74.10%	50.20%	79.30%	25.00%	72.50%
33	Phu Yên	98.16%	100.00%	98.00%	98.70%	91.60%	80.00%	70.00%	80.15%	70.50%	41.00%
34	Khánh Hòa*	99.00%	80.30%	75.40%	73.60%	82.30%	60.20%	24.20%	60.0%		70.00%
35	Gia Lai*	100.00%	95.00%	83.54%	100.00%	90.00%	75.00%	71.10%	81.30%		86.10%
36	Kon Tum	100.00%	100.00%	90.00%	100.00%	90.00%	85.00%	48.80%	70.30%	38.50%	71.80%
37	Đắk Lắk	80.00%	80.00%	70.00%	95.00%	87.00%	50.00%	50.00%	30.00%	0.00%	45.00%
38	Đắk Nông*	90.00%	95.00%	75.00%	100.00%	75.00%	70.00%	60.00%	80.00%		85.00%
39	Lâm Đồng	98.08%	92.31%	85.00%	100.00%	81.27%	80.00%	50.00%	80.00%	50.00%	90.00%
	Vùng 5 (07)	90.06%	80.80%	69.14%	88.70%	92.22%	69.13%	47.81%	67.53%	64.32%	79.82%
40	Đồng Nai	100.00%	79.40%	62.30%	100.00%	92.60%	52.90%	52.30%	80.00%	30.00%	78.30%
41	Bình Phước*	90.00%	40.70%	9.50%	44.90%		30.80%	21.20%	8.40%	91.60%	89.00%
42	Bà Rịa - Vũng Tàu	100.00%	100.00%	92.00%	100.00%	100.00%	82.00%	71.00%	93.00%	86.00%	85.60%
43	Bình Dương	100.00%	97.50%	95.10%	100.00%	92.50%	76.20%	65.80%	82.40%	22.70%	85.60%
44	Tây Ninh*	40.80%	67.00%	57.09%	100.00%	82.20%	70.00%	11.80%	51.40%		64.20%
45	Ninh Thuận*	99.60%	81.00%	77.00%	76.00%	86.00%	72.00%	50.40%			
46	Bình Thuận	100.00%	100.00%	91.10%	100.00%	100.00%	100.00%	62.15%	90.00%	91.30%	82.00%
	Vùng 6 (12)	91.57%	86.88%	71.32%	89.55%	83.81%	73.91%	59.78%	49.82%	32.98%	45.43%
47	Long An	100.00%	95.05%	80.01%	100.00%	80.62%	67.23%	51.33%	46.67%	18.84%	92.15%
48	Đồng Tháp	98.00%	83.00%	50.00%	90.00%	91.00%	70.00%	50.00%	80.00%	40.00%	45.00%
49	Tiền Giang*	97.00%	67.30%	59.40%	71.10%	72.80%	70.20%	58.80%	77.10%		50.00%
50	Bến Tre*	96.11%	100.00%	81.44%	100.00%	69.75%	70.00%	60.00%	46.27%		50.00%
51	An Giang	68.48%	67.19%	44.68%	100.00%	92.60%	76.73%	46.22%	25.37%	4.84%	38.15%
52	Vĩnh Long*	95.19%	96.00%	80.00%	96.39%	82.93%	70.00%	100.00%	45.00%		40.00%
53	Tà Vinh*	100.00%	95.00%	75.00%	100.00%	93.34%	70.00%	80.00%	85.00%		90.00%
54	Hậu Giang	99.00%	99.00%	91.00%	92.00%	87.00%	73.00%	78.00%	17.00%	80.00%	0.00%
55	Sóc Trăng*	83.00%	91.00%	69.40%	90.00%	86.50%	89.90%	40.85%	31.92%		38.31%
56	Kiên Giang	65.00%	66.00%	69.00%	78.00%	69.00%	64.00%	43.00%	25.00%	25.00%	14.00%
57	Bạc Liêu	99.38%	87.88%	75.51%	67.40%	94.82%	86.67%	54.83%	62.77%	46.02%	37.70%
58	Cà Mau	95.72%	95.15%	83.35%	89.71%	85.33%	79.13%	56.34%	55.76%	16.15%	59.83%
	Vùng 7 (5)	96.42%	90.72%	88.34%	90.14%	92.27%	84.14%	53.96%	80.18%	41.98%	77.50%
59	Hà Nội	100.00%	98.00%	90.60%	100.00%	95.00%	80.90%	67.00%	90.60%	33.00%	95.00%
60	TP Hồ Chí Minh*	100.00%	80.00%	100.00%	85.00%	100.00%	100.00%	40.00%	90.00%		95.00%
61	Hải Phòng	89.62%	91.62%	85.08%	94.82%	92.39%	92.38%	51.05%	74.92%	46.89%	66.54%
62	Đà Nẵng	100.00%	95.00%	80.00%	100.00%	90.00%	70.00%	50.00%	80.00%	85.00%	85.00%
63	Chà Thổ	92.45%	33.96%	86.02%	70.88%	83.98%	77.41%	60.74%	65.39%	3.03%	45.95%

Ghi chú: * Địa phương đã bầu cáo nhưng chưa đầy đủ thông tin